

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-30
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-30

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Du lịch Việt Nam tại Hà Nội theo Quyết định số 535/TCDL ngày 30/06/2006 của Tổng Cục Du lịch. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100107187 đăng ký lần đầu ngày 06/07/2007, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 18/05/2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Bá Tiến	Chủ tịch
Bà Đặng Thị Minh Chi	Ủy viên
Ông Nguyễn Huy Anh	Ủy viên
Ông Khuất Minh Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Tiến	Ủy viên

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Khuất Minh Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/09/2017
Ông Lê Vũ Trang	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/09/2017
Bà Lê Nguyễn Mai Hoa	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lương Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/03/2017
Ông Khuất Minh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/09/2017
Bà Đào Hồng Vân	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Tất Hiếu	Trưởng ban
Bà Trần Thị Hồng Diệp	Thành viên
Bà Hoàng Nhật Linh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



Nguyễn Bá Tiến

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội được lập ngày 01 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



[Handwritten signature in blue ink]

[Handwritten signature in blue ink]

Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		43.393.405.549	44.137.388.569
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.757.867.665	4.184.784.767
111	1. Tiền		3.757.867.665	4.184.784.767
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	106.458.215	52.693.516
121	1. Chứng khoán kinh doanh		144.664.480	144.664.480
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(38.206.265)	(91.970.964)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		39.030.831.994	39.538.180.726
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	14.025.322.536	11.423.046.204
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		327.689.782	27.333.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	24.677.819.676	28.087.801.522
140	IV. Hàng tồn kho	7	5.750.000	-
141	1. Hàng tồn kho		5.750.000	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		492.497.675	361.729.560
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	140.000.000	355.265.909
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		352.497.675	6.463.651
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		40.550.717.156	43.055.138.194
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		520.000.000	520.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	520.000.000	520.000.000
220	II. Tài sản cố định		3.189.195.957	6.539.759.960
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	3.189.195.957	6.539.759.960
222	- Nguyên giá		7.615.575.633	11.650.618.177
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.426.379.676)	(5.110.858.217)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	34.962.187.677	33.962.187.677
251	1. Đầu tư vào công ty con		29.962.187.677	29.962.187.677
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		5.000.000.000	4.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.879.333.522	2.033.190.557
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.879.333.522	2.033.190.557
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		83.944.122.705	87.192.526.763

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		31.838.455.410	36.658.484.686
310	I. Nợ ngắn hạn		31.838.455.410	36.658.484.686
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	15.881.629.249	12.674.639.117
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	4.843.239.454	17.004.305.651
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	279.136.933	451.451.484
314	4. Phải trả người lao động		4.027.324.579	5.058.121.916
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	370.000.000	405.000.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	6.437.125.195	1.064.966.518
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		52.105.667.295	50.534.042.077
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	52.105.667.295	50.534.042.077
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		30.000.000.000	30.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		30.000.000.000	30.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		15.900.600.507	14.396.184.169
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.205.066.788	6.137.857.908
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		131.675.035	120.192.556
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		6.073.391.753	6.017.665.352
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		83.944.122.705	87.192.526.763

Nguyễn Thị Quỳnh

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập

Đào Hồng Vân
Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Tiến
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	303.665.611.417	507.682.383.680
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		303.665.611.417	507.682.383.680
11	4. Giá vốn hàng bán	18	272.005.638.572	470.677.902.538
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.659.972.845	37.004.481.142
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	3.511.673.821	1.550.787.927
22	7. Chi phí tài chính	20	74.208.777	136.070.003
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		24.081.952	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	28.251.769.575	30.907.179.291
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.845.668.314	7.512.019.775
31	11. Thu nhập khác		112.039.987	3.280
32	12. Chi phí khác		103.852.546	207.493.969
40	13. Lợi nhuận khác		8.187.441	(207.490.689)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.853.855.755	7.304.529.086
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	780.464.002	1.286.863.734
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>6.073.391.753</u>	<u>6.017.665.352</u>


Nguyễn Thị Quỳnh
Người lậpĐào Hồng Vân
Kế toán trưởngNguyễn Bá Tiến
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6.853.855.755	7.304.529.086
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		780.766.868	744.143.119
03	- Các khoản dự phòng		(53.764.699)	(59.072.667)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(33.049.649)	(123.389.949)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.501.005.890)	(1.333.271.523)
06	- Chi phí lãi vay		24.081.952	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.070.884.337	6.532.938.066
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.374.592.616	14.568.865.718
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(5.750.000)	-
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(4.822.559.436)	(18.054.083.720)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		369.122.944	(957.433.212)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(24.081.952)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(793.660.142)	(1.793.958.949)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(354.800.000)	(864.750.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		813.748.367	(568.422.097)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(1.351.412.545)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.681.818.182	-
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.000.000.000)	(11.200.000.000)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		889.468.527	496.372.507
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.571.286.709	(12.055.040.038)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.830.831.937	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.830.831.937)	-
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.884.273.700)	(3.579.692.950)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.884.273.700)	(3.579.692.950)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(499.238.624)	(16.203.155.085)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

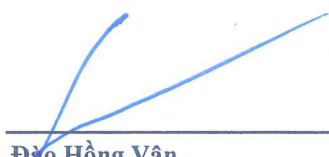
Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.184.784.767	20.391.280.869
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		72.321.522	(3.341.017)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>3.757.867.665</u>	<u>4.184.784.767</u>



Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập


Đào Hồng Vân
Kế toán trưởng




Nguyễn Bá Tiến
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Du lịch Việt Nam tại Hà Nội theo Quyết định số 535/TCDL ngày 30/06/2006 của Tổng Cục Du lịch. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100107187 đăng ký lần đầu ngày 06/07/2007, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 18/05/2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 30.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 30.000.000.000 đồng; tương đương 3.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ du lịch.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh các dịch vụ vui chơi, giải trí;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: đại lý bán vé máy bay;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: kinh doanh vận chuyển khách du lịch; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: kinh doanh hướng dẫn du lịch; lữ hành quốc tế và lữ hành nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Do các tour du lịch từ thị trường Trung Quốc của Công ty phát triển nóng vào những năm gần đây nên cuối năm 2016 Công ty đã thành lập công ty con là Công ty Cổ phần Charter Du lịch Việt Nam để thúc đẩy hoạt động tại mảng thị trường này. Do đó, phần lớn doanh thu và giá vốn của mảng thị trường Trung Quốc được chuyển về thực hiện bởi Công ty Cổ phần Charter Du lịch Việt Nam, dẫn đến việc doanh thu và giá vốn của Công ty năm nay giảm mạnh so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội tại Tỉnh Thừa Thiên Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế	Dịch vụ du lịch
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội tại Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ du lịch
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội tại Tỉnh Quảng Ninh	Tỉnh Quảng Ninh	Dịch vụ du lịch

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc (Chi nhánh tại Huế và Chi nhánh tại Hồ Chí Minh) và tại Văn phòng Công ty và trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập (Chi nhánh tại Quảng Ninh).

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như thù lao Hội đồng quản trị ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.14 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.16 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.17 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	519.702.311	1.814.637.027
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.238.165.354	2.370.147.740
	<u><u>3.757.867.665</u></u>	<u><u>4.184.784.767</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	144.664.480	106.458.215	(38.206.265)	144.664.480
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội</i>	<i>144.664.480</i>	<i>106.458.215</i>	<i>(38.206.265)</i>	<i>144.664.480</i>
	144.664.480	106.458.215	(38.206.265)	144.664.480
				52.693.516
				(91.970.964)
				52.693.516
				(91.970.964)

(*) Giá trị hợp lý của Chứng khoán niêm yết được xác định bằng giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính của chứng khoán trên sàn HNX.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	29.962.187.677	-	29.962.187.677	-
- Công ty TNHH Một thành viên Khách sạn Vịnh Hạ Long	19.762.187.677	-	19.762.187.677	-
- Công ty Cổ phần Charter Du lịch Việt Nam	10.200.000.000	-	10.200.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh	5.000.000.000	-	4.000.000.000	-
- Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	5.000.000.000	-	4.000.000.000	-
	34.962.187.677	-	33.962.187.677	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Một thành viên Khách sạn Vịnh Hạ Long	Tỉnh Quảng Ninh	100,00%	100,00%	Kinh doanh khách sạn, nhà hàng
- Công ty Cổ phần Charter Du lịch Việt Nam	Thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	Kinh doanh dịch vụ du lịch

Đầu tư vào Công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	Thành phố Hà Nội	50,00%	50,00%	Dịch vụ du lịch

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- CATAI Tour	5.957.409.350	5.539.004.451
- Sichua, China Youth Travel Service Co.,Ltd	-	1.468.230.706
- Maison del'Indochine (MDI)	828.564.405	1.241.557.120
- Các khoản phải thu khách hàng khác	7.239.348.781	3.174.253.927
	14.025.322.536	11.423.046.204

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	817.050	-	3.050.459	-
Tạm ứng	16.716.289.366	-	20.333.080.467	-
Phải thu Công ty TNHH MTV Khách sạn Vịnh Hạ Long	-	-	1.928.602.979	-
Cổ tức phải thu Khách sạn Vịnh Hạ Long	450.000.000	-	150.000.000	-
Cổ tức phải thu Công ty liên doanh	1.060.977.143	-	850.460.827	-
Cổ tức phải thu Công ty Cổ phần Charter Du lịch Việt Nam	1.989.000.000	-	-	-
Phải thu của đại lý vé máy bay	3.213.296.558	-	4.118.723.985	-
Công ty TNHH TWX Việt Nam	799.748.989	-	-	-
Phải thu khác	447.690.570	-	703.882.805	-
	24.677.819.676	-	28.087.801.522	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	520.000.000	-	520.000.000	-
	520.000.000	-	520.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

7 . HÀNG TỒN KHO

Toàn bộ hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2017 là công cụ, dụng cụ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	6.588.541.970	645.136.390	4.416.939.817	11.650.618.177
- Thanh lý, nhượng bán	(3.266.506.181)	-	(768.536.363)	(4.035.042.544)
Số dư cuối năm	3.322.035.789	645.136.390	3.648.403.454	7.615.575.633
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.066.089.379	401.445.828	1.643.323.010	5.110.858.217
- Khấu hao trong năm	176.434.852	101.527.467	502.804.549	780.766.868
- Thanh lý, nhượng bán	(979.951.860)	-	(485.293.549)	(1.465.245.409)
Số dư cuối năm	2.262.572.371	502.973.295	1.660.834.010	4.426.379.676
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	3.522.452.591	243.690.562	2.773.616.807	6.539.759.960
Tại ngày cuối năm	1.059.463.418	142.163.095	1.987.569.444	3.189.195.957

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 353.819.117 VND.

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng	140.000.000	210.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	145.265.909
	140.000.000	355.265.909
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	534.033.459	569.886.104
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.111.456.163	1.191.472.701
Chi phí trả trước dài hạn khác	233.843.900	271.831.752
	1.879.333.522	2.033.190.557

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Hải Vân Nam - Havana Hotel	-	-	274.727.237	274.727.237
- Công ty Cổ phần Charter Du lịch Việt Nam	8.283.914.802	8.283.914.802	-	-
- Công ty TNHH Mương Thanh Nha Trang	-	-	2.181.818	2.181.818
- Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang	-	-	2.831.110.339	2.831.110.339
- Công ty CP Du thuyền Năm sao Tuần Châu	1.250.712.500	1.250.712.500	1.023.056.477	1.023.056.477
- Phải trả các đối tượng khác	6.347.001.947	6.347.001.947	8.543.563.246	8.543.563.246
	15.881.629.249	15.881.629.249	12.674.639.117	12.674.639.117

11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Khách Trung Quốc Charter Thành Đô	622.751.748	7.699.999.962		
- Khách Trung Quốc Charter Trịnh Châu	780.989.252	-		
- Khách Lotus Travel	1.965.897.876	1.184.907.398		
- Phải trả các đối tượng khác	1.473.600.578	8.119.398.291		
	4.843.239.454	17.004.305.651		

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	264.587.750	3.233.048.146	3.393.906.535	-	103.729.361	-	173.667.594	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	186.863.734	780.464.002	793.660.142	-	1.739.978	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	607.643.213	605.903.235	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	30.744.000	30.744.000	-	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	8.500.000	8.500.000	-	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	60.602.275	60.602.275	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	451.451.484	4.721.001.636	4.893.316.187	-	279.136.933	-	-	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	300.000.000	300.000.000
- Chi phí phải trả khác	70.000.000	105.000.000
	370.000.000	405.000.000

14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	22.924.700	36.084.795
- Bảo hiểm xã hội	74	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	172.986.150	157.259.850
- Tạm ứng thừa	2.000.000	528.002.973
- Công ty TNHH MTV Khách sạn Vịnh Hạ Long	2.744.073.252	-
- Công ty Cổ phần Charter Du lịch Việt Nam	1.000.000.000	-
- Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ Mega Việt Nam	1.449.539.173	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.045.601.846	343.618.900
	6.437.125.195	1.064.966.518

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	13.033.505.505	5.627.942.685	48.661.448.190
Lãi trong năm trước	-	-	6.017.665.352	6.017.665.352
Phân phối lợi nhuận	-	1.362.678.664	(5.507.750.129)	(4.145.071.465)
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	14.396.184.169	6.137.857.908	50.534.042.077
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	14.396.184.169	6.137.857.908	50.534.042.077
Lãi trong năm nay	-	-	6.073.391.753	6.073.391.753
Phân phối lợi nhuận	-	1.504.416.338	(6.006.182.873)	(4.501.766.535)
Số dư cuối năm nay	30.000.000.000	15.900.600.507	6.205.066.788	52.105.667.295

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 20/04/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	6.017.665.352
Trích Quỹ đầu tư phát triển	25,00%	1.504.416.338
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00%	601.766.535
Chi trả cổ tức (bằng 13% vốn điều lệ)	64,81%	3.900.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	0,19%	11.482.479

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Nguyễn Bá Tiên	1,81%	543.000.000	14,06%	4.218.000.000
Đặng Thị Minh Chi	10,16%	3.050.000.000	10,16%	3.050.000.000
Đào Thị Hiền	0,00%	-	18,13%	5.440.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	5,00%	1.500.000.000	5,00%	1.500.000.000
Trần Ngọc Nhật	18,13%	5.440.000.000	0,00%	-
Hoàng Tùng	6,88%	2.062.700.000	6,88%	2.062.700.000
Công ty TNHH NN Một thành viên XNK và Đầu tư Hà Nội	9,80%	2.940.000.000	9,80%	2.940.000.000
Nguyễn Thị Minh Yên	14,70%	4.410.000.000	14,70%	4.410.000.000
Khuất Minh Hà	17,62%	5.284.500.000	4,95%	1.484.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	15,90%	4.769.800.000	16,32%	4.894.800.000
	100%	30.000.000.000	100%	30.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.900.000.000	3.600.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	3.900.000.000	3.600.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	15.900.600.507	14.396.184.169
	15.900.600.507	14.396.184.169

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	63.353,53	29.779,39
- Đồng Euro (EUR)	3.873,97	10.291,73
- Đồng Yên Nhật (JPY)	-	32.879,00

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	303.665.611.417	507.682.383.680
	<u>303.665.611.417</u>	<u>507.682.383.680</u>

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	272.005.638.572	470.677.902.538
	<u>272.005.638.572</u>	<u>470.677.902.538</u>

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	39.007.700	406.657.384
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.349.977.143	1.000.460.827
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	89.639.329	20.279.767
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	33.049.649	123.389.949
	<u>3.511.673.821</u>	<u>1.550.787.927</u>

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	24.081.952	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	103.891.524	195.142.670
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(53.764.699)	(59.072.667)
	<u>74.208.777</u>	<u>136.070.003</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	307.232.658	409.034.421
Chi phí nhân công	14.759.519.422	16.634.154.726
Chi phí khấu hao tài sản cố định	780.766.868	744.143.119
Thuế, phí, lệ phí	42.611.173	76.409.007
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.651.430.871	3.340.643.698
Chi phí khác bằng tiền	8.710.208.583	9.702.794.320
	<u>28.251.769.575</u>	<u>30.907.179.291</u>

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập chịu thuế TNDN Hội sở	3.902.320.008	6.146.306.471
Thu nhập chịu thuế TNDN Chi nhánh Quảng Ninh	(190.676.915)	288.012.198
Chi phí thuế TNDN hiện hành Hội sở (thuế suất 20%)	780.464.002	1.229.261.294
Chi phí thuế TNDN hiện hành Chi nhánh Quảng Ninh (thuế suất 20%)	-	57.602.440
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	<u>780.464.002</u>	<u>1.286.863.734</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	186.863.734	693.958.949
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(793.660.142)	(1.793.958.949)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>173.667.594</u>	<u>186.863.734</u>

23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	307.232.658	409.034.421
Chi phí nhân công	14.759.519.422	16.634.154.726
Chi phí khấu hao tài sản cố định	780.766.868	744.143.119
Chi phí dịch vụ mua ngoài	237.744.074.626	398.685.029.139
Chi phí khác bằng tiền	46.665.814.573	85.980.304.653
	<u>300.257.408.147</u>	<u>502.452.666.058</u>

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.757.867.665	-	4.184.784.767	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	39.223.142.212	-	40.030.847.726	-
Đầu tư ngắn hạn	144.664.480	(38.206.265)	144.664.480	(91.970.964)
	43.125.674.357	(38.206.265)	44.360.296.973	(91.970.964)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	22.318.754.444	13.739.605.635
Chi phí phải trả	370.000.000	405.000.000
	22.688.754.444	14.144.605.635

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Đầu tư ngắn hạn	106.458.215	-	-	106.458.215
	106.458.215	-	-	106.458.215
Tại ngày 01/01/2017				
Đầu tư ngắn hạn	52.693.516	-	-	52.693.516
	52.693.516	-	-	52.693.516

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.757.867.665	-	-	3.757.867.665
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.703.142.212	520.000.000	-	39.223.142.212
	42.461.009.877	520.000.000	-	42.981.009.877

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘISố 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.184.784.767	-	-	4.184.784.767
Phải thu khách hàng, phải thu khác	39.510.847.726	520.000.000	-	40.030.847.726
	<u>43.695.632.493</u>	<u>520.000.000</u>	<u>-</u>	<u>44.215.632.493</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	22.318.754.444	-	-	22.318.754.444
Chi phí phải trả	370.000.000	-	-	370.000.000
	<u>22.688.754.444</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>22.688.754.444</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	13.739.605.635	-	-	13.739.605.635
Chi phí phải trả	405.000.000	-	-	405.000.000
	<u>14.144.605.635</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>14.144.605.635</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh du lịch, dịch vụ và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT NAM - HÀ NỘI

Số 30A Lý Thường Kiệt, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập

Đào Hồng Vân
Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Tiên
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2018

